

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **599/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/7/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lương

2/ Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 714/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Tào Văn N, sinh năm 1974

Địa chỉ: 618/32/18 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Diễm T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 6 Ấ, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Tào Văn N trình bày: Ông và bà Ngô Thị Diễm T tự nguyện kết hôn năm 1996, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền 01/1996 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1996. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bà T gây nợ làm ảnh hưởng đến gia đình. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tào Hồng H, sinh ngày 08/8/1997 và Tào Quang P, sinh ngày 04/7/2009. Ông đồng ý giao con chung chưa thành niên là Tào Quang P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Bà Ngô Thị Diễm T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông N về việc kết hôn. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N cờ bạc, trai gái, không rõ ràng trong thu chi tài chính trong việc kinh doanh, thậm chí có những lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà. Bà không đồng ý ly hôn vì ông N chưa giải quyết xong vấn đề tài sản với bà.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tào Hồng H, sinh ngày 08/8/1997 và Tào Quang P, sinh ngày 04/7/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Tào Quang P, việc cấp dưỡng tùy ông N.

Về tài sản chung: Bà sẽ có đơn yêu cầu tranh chấp tài sản gửi Tòa án sau.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tào Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T; về con chung: ông đồng ý giao con chung chưa thành niên là Tào Quang P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng từ 7.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Bị đơn bà Ngô Thị Diễm T trình bày quá trình chung sống ông N không rõ ràng trong việc tài chính gia đình và xác định không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn vì ông N chưa thỏa thuận về tài sản; về con chung: yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên là Tào Quang P, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 7.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tào Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có Thu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Tào Văn N xin ly hôn với bà Ngô Thị Diễm T đang cư trú tại 6 Ấ, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyền 01/1996 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1996 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Tào Văn N và bà Ngô Thị Diễm T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét bà T không đồng ý ly hôn với lý do chưa giải quyết vấn đề tài sản là không chính đáng, hơn nữa qua lời trình bày của bà T thì giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được và đã kéo dài từ lâu, bà T cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho thời gian để các bên hòa giải với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà ông N và bà T đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tào Hồng H, sinh ngày 08/8/1997 và Tào Quang P, sinh ngày 04/7/2009. Xét hai bên thống nhất giao con chung chưa thành niên là Tào Quang P, sinh ngày 04/7/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ P là muốn ở với mẹ nên ghi nhận. Bà T có yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 7.000.000 đồng, ông N đồng ý nên ghi nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 7/2023 cho đến khi trẻ P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận.

[4] Về án phí: Ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tào Văn N được ly hôn với bà Ngô Thị Diễm T.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Diễm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Tào Quang P, sinh ngày 04/7/2009, ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 7.000.000 (bảy triệu) đồng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Tào Văn N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 068329 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ngoài ra ông N phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân